



BẢN TIN THAN NGÀY

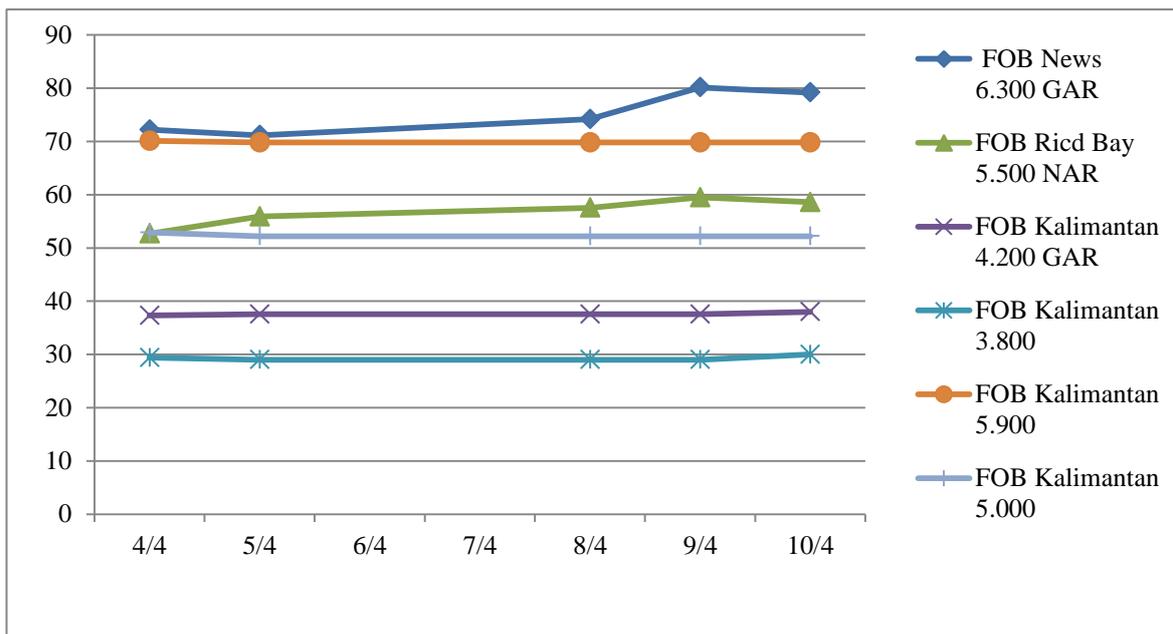
Ngày 12/4/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	79,20	-0,95	N/A	N/A
FOB Newcastle 6.000 NAR	85,60	N/A	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	58,60	-0,90	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	69,80	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	52,20	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	44,50	+0,40	297,76	+2,96
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	58,75	-0,25	393,11	-1,30
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	65,00	-0,80	434,93	-4,93

GIÁ THEO CHUYÊN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 10/4/2019)

DIỂM TIN

Kospo Hàn Quốc tìm mua 160.000 tấn than nhiệt giao trong tháng 6

Korea Southern Power (Kospo), trong tuần này đã phát hành một gói thầu mua 160.000 tấn than nhiệt trị thấp xếp hàng trong tháng 6. Trong gói thầu KOSPO-Coal-2019-SC-EST04, công ty tìm mua hai chuyến hàng giao trên tàu Panamax, với tổng khối lượng 160.000 tấn, nhiệt trị tối thiểu 3.700 kcal/kg NAR, độ ẩm 43%, hàm lượng chất bốc 16 - 45%, độ tro 4,5%, và lưu huỳnh 0,35%. Đối với gói thầu KOSPO-Coal-2019-SC-EST04, công ty tìm mua hai chuyến hàng giao trên tàu Panamax, xếp trong tháng 6 năm 2019. Chào hàng phải dựa trên giá cố định, điều kiện FOBT. Gói thầu kết thúc vào thứ 5 (10/4).

NPL của Punjab phát hành gói thầu tìm mua 900.000 tấn than nhiệt nhập khẩu cho năm 2019

Công ty điện lực tư nhân Nabha Power Limited vừa phát hành một gói thầu mua 900.000 tấn than nhiệt nhập khẩu cung cấp cho NMNĐ Rajpura 1.400 MW ở bang Punjab, miền Bắc Ấn Độ. Các nhà thầu được yêu cầu phải chào giá với khối lượng tối thiểu 400.000 tấn, theo lịch vận chuyển theo tuần được quy định bởi NPL tới ngày 31/12/2019. Công ty này phải nhập khẩu than để bù đắp nguồn cung trong nước thiếu hụt. NPL đã đưa ra hai lựa chọn cho các nhà cung cấp than. Lựa chọn thứ nhất, NPL tìm mua than nhiệt với nhiệt trị 5.000-5.700 kcal/kg GAR, độ ẩm tối đa 18%, độ tro 26%, hàm lượng chất bốc 20 - 27%, và hàm lượng lưu huỳnh 0,5%. Lựa chọn thứ hai, các công ty dự thầu có thể cung cấp than 4.400 - 5.000 kcal/kg GAR, độ ẩm tối đa 14%, độ tro tối đa 29%, lưu huỳnh 0,5%, và hàm lượng chất bốc 20-27%. Giá than dự thầu phải tính toán trên cơ sở đồng tiền của Ấn Độ. Hạn cuối nộp hồ sơ dự thầu trực tuyến là vào ngày 8/5, và đối với hồ sơ cứng là ngày 9/5.

Nguồn cung than nội địa lớn làm giảm nhu cầu nhập khẩu than tại Ấn Độ

Các khách hàng Ấn Độ đang mua than nội địa ít nhất đến trước thời điểm mùa gió chướng, bắt đầu vào tháng 5 - tháng 6, đồng thời theo dõi sát sao giá than nhập khẩu. Dự kiến nguồn cung than nội địa của Ấn Độ sẽ dồi dào hơn và khách hàng đang chần chừ về thời điểm quay lại tham gia thị trường than nhập khẩu đường biển. Việc thiếu hụt toa tàu hỏa vận chuyển phục vụ dự trữ than cũng làm giảm nhu cầu nhập khẩu than bằng đường biển. Một công ty thương mại than ở Tây Ấn Độ cho biết đã có 30 triệu tấn than dự trữ tại đây, đủ để phát điện trong vòng 18 ngày, đảm bảo phát điện ổn định trong thời gian diễn ra cuộc bầu cử tháng 4. Một công ty thương mại than ở Bắc Ấn Độ cho biết, nhu cầu mua than Nam Phi độ tro cao hơn 20% không ổn định do lo ngại vấn đề môi trường. Nhu cầu mua than Indonesia nhiệt trị trung bình cũng không cao. Các khách hàng Ấn Độ muốn giá giảm sâu hơn nữa. Giá than Indonesia 5.000 kcal/kg GAR được nhận định ở mức 52 - 52,5 USD/tấn, điều kiện FOB Kalimantan.

(Nguồn: www.spglobal.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,05	+0,10
	Queensland	Nhật Bản	6,65	+0,15
	New South Wales	Hàn Quốc	7,50	+0,15
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	11,90	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	6,15	-0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	11,90	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,15	-0,10
	Australia	Trung Quốc	10,55	+0,00
	Australia	Ấn Độ	11,90	+0,00

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 10/04/2019)